

Số/ No.: 20240422/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2024  
Ho Chi Minh City, April 22, 2024

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

- Tên quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF  
- Mã chứng khoán/*Securities symbol:* FUEKIVFS  
- Tên Công ty Quản lý quỹ:  
*Fund Management company:* Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/  
KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.  
- Tên Ngân hàng giám sát/  
*Supervisory Bank:* Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/  
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam  
- Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange date:* 19/04/2024  
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/  
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	4,500	10.51%
2	AGR	100	0.17%
3	BIC	100	0.25%
4	BID	300	1.26%
5	BMI	100	0.20%
6	BSI	100	0.47%
7	BVH	100	0.34%
8	CTG	1,000	2.86%
9	CTS	100	0.33%
10	EIB	2,000	2.94%
11	EVF	600	0.71%
12	FTS	200	0.93%
13	HCM	500	1.14%
14	HDB	2,800	5.62%
15	LPB	2,900	5.09%
16	MBB	3,700	7.46%
17	MIG	100	0.15%
18	MSB	2,200	2.54%
19	OCB	1,500	1.80%
20	ORS	300	0.37%
21	SHB	3,700	3.59%
22	SSB	1,700	3.30%
23	SSI	1,400	4.21%
24	STB	2,400	5.62%
25	TCB	2,900	11.36%
26	TPB	1,600	2.38%
27	TVS	100	0.19%
28	VCB	800	6.32%
29	VCI	400	1.58%
30	VDS	100	0.17%
31	VIB	1,600	3.00%
32	VIX	800	1.19%
33	VND	1,100	1.86%
34	VPB	6,200	9.83%
	Tiền/ Cash (VND)	3,490,612	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* (VND)

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* (VND)

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value:* (VND)

1,141,740,000

1,145,230,612

3,490,612



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*  
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	26,750	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BIC	28,400	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BID	48,100	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
4	BSI	53,500	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
5	BVH	38,600	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
6	MBB	23,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MSB	13,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	OCB	13,750	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	TCB	44,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	VCB	90,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
11	VCI	45,100	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
12	VIB	21,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ <i>This period</i> (*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> (**)	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	19/04/2024	18/04/2024	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	27,900,000	27,900,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	11,330.00	11,690.00	(360)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	319,519,340,990	325,989,553,239	(6,470,212,249)
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,145,230,612	1,168,421,337	(23,190,725)
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	11,452.30	11,684.21	(231.91)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,991.84	2,015.86	(24.02)

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 18/04/2024

/ *Item 5 is net asset value at 18/04/2024*

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 17/04/2024

/ *Item 5 is net asset value at 17/04/2024*

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
*Authorised Representative of Fund Management Company*



**Yun Hang Jin**  
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN